

Bản án số: 53/2021/HNGĐ- ST  
Ngày: 08/6/2021  
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Hoàn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Trương Ngọc Nhân

Ông: Nguyễn Thanh Toàn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thanh Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLST - HNGĐ ngày 22/02/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị C Th L, sinh năm 1993

Trú tại: Thôn 3 K B, xã M H, huyện M H, tỉnh Qu B. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

***2. Bị đơn:*** Anh C Th A, sinh năm 1990

Trú tại: Thôn 3 K B, xã M H, huyện M H, tỉnh Qu B. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 22/02/2021 và bản tự khai ngày 22/02/2021 của nguyên đơn C Th L trình bày giữa chị và anh C Th A đã đăng ký kết hôn ngày 10/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã M H, huyện M H, tỉnh Qu B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hai vợ chồng sống ly thân đã lâu, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C Th A.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu C Th H Gi, sinh ngày 28/5/2013 và cháu C Th Ng, sinh ngày 23/10/2015. Chị L và anh A thỏa thuận sau khi ly hôn chị L sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu C Th Ng, sinh ngày 23/10/2015 còn anh A sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu C Th H Gi, sinh ngày 28/5/2013.

Tài sản chung và khoản vay chung: Không có

Tại đơn xin xét xử vắng mặt và bản tự khai anh C Th A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân anh nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn nữa.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu C Th H Gi, sinh ngày 28/5/2013 và cháu C Th Ng, sinh ngày 23/10/2015. Anh A nhất trí như ý kiến của chị L là mỗi người chăm sóc và nuôi dưỡng 01 cháu.

Tài sản chung và khoản vay chung: Không có

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia giải quyết vụ án đưa ra quan điểm xét xử như sau: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ. Về quan điểm xét xử đối với vụ án: Áp dụng Điều 147, 227, 228, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị Quyết 326 ngày 30/ 12/ 2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, tuyên xử chị C Th L được ly hôn anh C Th A.

Về con chung: đề nghị xử cho chị C Th L được nuôi dưỡng cháu C Th Ng, sinh ngày 23/10/2015, xử giao cho anh C Th A được nuôi dưỡng cháu C Th H Gi, sinh ngày 28/5/2013. Chị L và anh A không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và khoản vay chung: Không có nên không đề nghị xem xét

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C Th L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

Ngày 22/4/2021 chị L và anh A viết đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do điều kiện đi lại, kinh tế khó khăn và yêu cầu hội đồng xét xử giải quyết các nội dung theo đơn xin xét xử vắng mặt cho chị L và anh A. Xét thấy đơn xin xét xử vắng mặt của chị L và anh A là hợp lệ và tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin xét xử vắng mặt của chị L và anh A để áp dụng Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết theo yêu cầu của các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C Th L và anh C Th A đã đăng ký kết hôn ngày 10/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã M H, huyện M H, tỉnh Qu B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng sống ly thân với nhau. Xét thấy nguyện vọng của chị L xin được ly hôn là chính đáng cần chấp nhận, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị C Th L được ly hôn anh C Th A.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị L và anh A, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cho chị C Th L được nuôi dưỡng cháu C Th Ng, sinh ngày 23/10/2015, xử giao cho anh C Th A được nuôi dưỡng cháu C Th H Gi, sinh ngày 28/5/2013. Chị L và anh A không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung và khoản vay chung: Không có nên không xem xét

[5] Án phí: Chị C Th L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004406 ngày 22/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị L đã nộp đủ án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị C Th L được ly hôn anh C Th A.

2. Về con chung: Xử giao chị C Th L được nuôi dưỡng cháu C Th Ng, sinh ngày 23/10/2015, xử giao cho anh C Th A được nuôi dưỡng cháu C Th H Gi, sinh ngày 28/5/2013. Chị L và anh A không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị C Th L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004406 ngày 22/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã M H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( đã ký )

**Trương Quốc Hoàn**

